

PHỔ CẬP GIÁO DỤC CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT: CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TẾ

• TS. NGUYỄN ĐỨC MINH

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đặc biệt

1. Quan điểm và chính sách giáo dục đối với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (HCĐB)

1.1. Nhà nước bảo đảm quyền và trách nhiệm tham gia, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em.

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội tham gia giáo dục cho tất cả trẻ em không phân biệt gái, trai, con trong gia đình, con ngoài gia đình, con đẻ, con nuôi, con chung, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, chính kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ. Để bảo đảm cho điều luật này trở thành hiện thực, Việt Nam quy định nghiêm cấm cản trở việc học tập của trẻ em¹.

Ngày 24 tháng 4 năm 2009, Bộ Chính trị đã ra Thông báo về 7 nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đến năm 2020 trong đó có nhiệm vụ thứ năm: "Tăng nguồn lực cho giáo dục. Theo đó, miễn học phí cho học sinh, sinh viên gia đình chính sách, hộ nghèo; giảm học phí cho học sinh, sinh viên gia đình nghèo và hỗ trợ cho học sinh, sinh viên các hộ có thu nhập thấp..." và nhiệm vụ thứ sáu: "Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục. Nhà nước tập trung đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền..."²

Không chỉ có chính sách khuyến khích, bảo đảm quyền được tham gia học tập, các chính sách của Việt Nam còn quy định bắt buộc phổ cập giáo dục tiểu học (GDTH) cho tất cả trẻ em trong độ tuổi. Với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, chính sách quy định giáo dục tiểu học và giáo dục THCS là các cấp học phổ cập. Mọi công dân Việt Nam trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt

trình độ GDTH. Mọi trẻ em Việt Nam có độ tuổi 6-14 bắt buộc phải thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDTH.³

1.2. Trẻ em có HCĐB được bảo đảm các điều kiện để hoàn thành phổ cập GDTH.

Trẻ có HCĐB sống tại mọi địa phương, mọi vùng miền vì vậy, để tham gia và hoàn thành phổ cập GDTH thì trẻ cần được đi học ở trường tiện lợi nhất và không bị cản trở bởi các điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Do đó mạng lưới các trường công lập về GDTH cần có ở tất cả các địa phương và cần được chuẩn bị để tiếp nhận mọi trẻ em đến lớp. Phổ cập GDTH cũng đòi hỏi trường học nơi trẻ sinh sống không thu học phí và sẵn sàng trợ giúp các phương tiện, đồ dùng dạy học thiết yếu (sách, vở, quần áo, tiền ăn...) cho học sinh có HCĐB.

Nhà nước đã quy định những chính sách nhằm hỗ trợ để tất cả mọi trẻ em đều thực hiện được quyền phổ cập giáo dục của mình. Điều 11 của Luật GD và điều 6, điều 11 của Luật Phổ cập GDTH đã quy định: "Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành... Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình". Cụ thể hóa các điều kiện ưu tiên, Việt Nam có chính sách bảo đảm "Trẻ em học tiểu học trong hệ thống các trường công lập không phải trả học phí"⁴. Đồng thời, Việt Nam cũng đã ban hành chính sách hỗ trợ cho học sinh có HCĐB (học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số, vùng có nhiều khó khăn và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác) học tập thông qua việc cung cấp

1 Điều 4 và điều 7 Luật BV, CS&GD trẻ em.

2 Nguồn: <http://dangcongsan.vn>

3 Theo điều 10, điều 11 Luật Giáo dục; Điều 1 Luật Phổ cập GDTH.

4 Điều 16 Luật BV, CS&GD trẻ em; điều 13 Luật Phổ cập GDTH

sách giáo khoa và học phẩm miễn phí hoặc giảm giá bán sách giáo khoa và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục khác.⁵

Đối với trẻ khuyết tật thì ngoài việc miễn học phí trẻ còn được bảo đảm "Tham gia giáo dục hòa nhập hoặc tham gia vào các cơ sở giáo dục chuyên biệt"⁶, "Được hưởng quyền học tập bình đẳng như những người học khác;... học văn hóa, học nghề, phục hồi chức năng và phát triển khả năng của bản thân để hòa nhập cộng đồng"; "Được học tập trong các cơ sở giáo dục phù hợp với trình độ, năng lực; được tôn trọng và bảo vệ, đối xử bình đẳng trong học tập, trong các hoạt động văn hóa, thể thao để phát triển khả năng cá nhân; được xét miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác; được cung cấp thông tin; được cấp sách giáo khoa, học phẩm, học bổng theo quy định; Được miễn giảm một số môn học không thể đáp ứng do tình trạng khuyết tật gây nên".⁷

Cụ thể hóa việc đối tượng là trẻ có HCĐB cần nhận được sự hỗ trợ trong việc tham gia giáo dục, hoạt động xã hội, Luật BV, CS&GD trẻ em quy định: "Trẻ em có HCĐB bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa; trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật".

Để những quy định của các văn bản luật đi vào đời sống, hàng năm Bộ GD&ĐT có văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo đảm các điều kiện để mọi trẻ em có thể bình đẳng tham gia giáo dục. hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2008-2009 nêu như sau: "Tổ chức các lớp học linh hoạt cho trẻ lang thang, cơ nhỡ với kế hoạch dạy học và thời khoá biểu phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của địa phương"; "Học sinh khuyết tật là đối tượng được quan tâm chăm sóc để hưởng quyền được giáo dục".

Bộ GD&ĐT đã có quy định riêng về giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật là: "Cần tạo điều

kiện cho giáo viên, giảng viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao chuyên môn về giáo dục cho người khuyết tật"⁸. Để bảo đảm cho mọi học sinh được đến trường và chủ động, tích cực tham gia các hoạt động, Bộ GD&ĐT đã phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013. Trong đó yêu cầu "Tập trung các nguồn lực để giải quyết dứt điểm những yếu kém về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, tạo điều kiện cho học sinh khi đến trường được an toàn, thân thiện, vui vẻ... Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu xã hội"⁹.

Nhìn chung, nếu áp dụng đúng các quy định và chính sách hiện hành thì đã có thể bảo đảm để mọi trẻ em tham gia và có trách nhiệm thực hiện phổ cập GDTH có chất lượng.

2. Thực trạng công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em có HCĐB

2.1. Về số lượng trẻ có HCĐB được tham gia giáo dục

Hiện nay, Việt Nam chưa có số liệu chính thức về trẻ em có HCĐB; chưa có hoạt động điều tra, khảo sát tổng thể trong toàn quốc về trẻ có HCĐB và giữa các ngành khác nhau (Y tế, Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội...) cũng như chưa có tiêu chí chung trong việc xác định trẻ có HCĐB. Vì vậy, theo những nghiên cứu khác nhau thì số lượng trẻ có HCĐB cũng sẽ khác nhau. Theo số liệu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (KHGDVN), năm 2006, trong 32 triệu trẻ em Việt Nam thì có khoảng 2,8 triệu trẻ em có HCĐB (trẻ khuyết tật khoảng 1,1 triệu, trẻ em mồ côi lang thang khoảng 339.000, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vùng sâu vùng xa khoảng 929.000, trẻ em phạm pháp khoảng 16.000 và số còn lại là trẻ em nhiễm HIV, trẻ em lao động sớm, trẻ em nghiện ma túy, trẻ em bị xâm hại tình dục...). Không có thống kê chính xác và tiêu chí khác nhau khiến nhiều trẻ có HCĐB không được tiếp cận với chính sách bảo

5 Dự thảo chiến lược giáo dục 2009-2020

6 Điều 41 Luật BV, CS&GD trẻ em

7 Quy định 23/2006/QĐ-BGD&ĐT về giáo dục hòa nhập người khuyết tật.

8 Điều 6.e, Quyết định 23/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Bộ GD&ĐT về giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật.

9 Chỉ thị 40/2008/CT- BGDĐT về việc phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"



vệ, chăm sóc và giáo dục.

Với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong những năm vừa qua số lượng trẻ có HCĐB được hưởng giáo dục ngày càng nhiều. Theo nghiên cứu của Viện KHGDVN, năm 2006 có khoảng 24,22% và năm 2008 có khoảng 36,8% trẻ khuyết tật được đến trường. Nếu so sánh với năm 1996, khoảng 42.000 trẻ được đi học thì tới 2006 có khoảng 269.000 và 2008 đã có hơn 441.000 trẻ được tham gia giáo dục¹⁰.

Tuy nhiên, nếu xét về tỉ lệ chung trong toàn quốc đã có trên 96 % tổng số trẻ được phổ cập GDTH thì số trẻ có HCĐB được đi học còn rất hạn chế. Mặt khác, theo Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người thì tới 2010 tất cả trẻ em trong độ tuổi tiểu học đều được đến trường. Mục tiêu này không thể thực hiện được và sẽ đạt rất thấp nếu xét từ khía cạnh trẻ có HCĐB. như vậy, khó khăn của trẻ khi trưởng thành sẽ bị nhân lên nhiều lần vì cùng với HCĐB là trình độ học vấn thấp ảnh hưởng trực tiếp tới sự cạnh tranh bình đẳng về cơ hội việc làm trong cơ chế thị trường để có thể sống tự lập, hòa nhập cộng đồng.

2.2. Chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB

Chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB cũng đã được nâng cao một bước. Nếu đa số trẻ có HCĐB trước năm 2000 chỉ được đi học tiểu học và chủ yếu tới lớp 3 thì tới nay nhiều em đã học xong tiểu học, THCS, THPT. Một số trẻ có HCĐB đã học cao đẳng, đại học. Theo thống kê của Hội người mù Việt Nam, năm 2008 đã có hơn 100 người mù học cao đẳng, đại học và sau đại học với các ngành nghề khác nhau.

Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục đóng vai trò quan trọng nhất trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB. Trong những năm vừa qua, Bộ GD&ĐT đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ QLGD về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ có HCĐB. Các khoa Giáo dục Đặc biệt đã được thành lập tại 4 trường đại học sư phạm và 10 trường cao đẳng sư phạm trong cả nước để đào tạo giáo viên giáo dục trẻ có HCĐB. Các khoa này đã đào tạo hàng trăm giáo viên có trình

độ cử nhân cao đẳng và cử nhân đại học cho giáo dục trẻ khuyết tật. Bộ GD&ĐT đã xây dựng và triển khai một dự án lớn về giáo dục trẻ có hoàn cảnh khó khăn (PEDC) tại 215 huyện mục tiêu của 40 tỉnh trong toàn quốc. Dự án đã tạo điều kiện cho nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn đi học và tổ chức bồi dưỡng cho hàng nghìn giáo viên, cán bộ QLGD. Ngoài dự án này, với sự hỗ trợ của nhiều cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, Bộ GD&ĐT cũng đã tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng dạy học trẻ có HCĐB cho cán bộ QLGD và giáo viên trực tiếp dạy học trẻ có hoàn cảnh khó khăn trong toàn quốc. Theo số liệu của Viện KHGDVN, để đào tạo giáo viên giáo dục trẻ có HCĐB khoảng 7,11% giáo viên phổ thông đã được bồi dưỡng về giáo dục trẻ khuyết tật.¹¹

Một số chương trình, tài liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học, sách giáo khoa đã được Viện KHGDVN nghiên cứu và áp dụng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB.

Nhằm tạo nền móng bền vững cho chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB, công tác tuyên truyền và cung cấp kiến thức cho cộng đồng, đặc biệt là cho phụ huynh của trẻ đã được quan tâm và thực hiện theo các kênh khác nhau (TV, đài, báo, tờ rơi...).

Nhìn chung, cả về số lượng và chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB trong những năm qua đã được cải thiện, nâng cao nhanh chóng. Tuy nhiên, nếu so sánh với các yêu cầu về chất lượng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông thì chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB vẫn còn rất thấp. Nguyên nhân trên là do:

- Hơn 90% giáo viên và cán bộ QLGD, lực lượng chủ đạo trong truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm sống cho trẻ chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chăm sóc, giáo dục trẻ có HCĐB. Nhiều giáo viên (64,38%) được bồi dưỡng xong không trực tiếp dạy học trẻ có HCĐB.¹²

- Nhận thức của cộng đồng, kể cả phụ huynh và cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở về khả năng, nhu cầu của trẻ có HCĐB chưa cao. Đặc biệt, cộng đồng chưa nhận thức được việc bảo đảm phổ cập giáo dục cho tất cả trẻ em, trong

10 Bộ LĐ-TB&XH, Báo cáo Nghiên cứu đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến người tàn tật Việt Nam

11 Dự thảo Chiến lược và kế hoạch hành động giáo dục trẻ khuyết tật giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn 2015.

12 Dự thảo Chiến lược và kế hoạch hành động giáo dục trẻ khuyết tật giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn 2015.

đó có trẻ có HCĐB.

- Trong các tiêu chí về phổ cập giáo dục không có tiêu chí về huy động số lượng và quy định về chất lượng giáo dục trẻ có HCĐB. Vì vậy, để hoàn thành phổ cập giáo dục các địa phương mới chỉ tập trung vào các đối tượng dễ triển khai và không chú trọng tới đối tượng trẻ khó khăn.

- Chương trình giáo dục và sách giáo khoa chưa thực sự mềm dẻo, thích hợp với mọi đối tượng trẻ em. Do đó trẻ có HCĐB không thể tham gia và học tập có chất lượng theo những quy định chung cho trẻ bình thường.

- Cơ sở vật chất trường lớp và phương tiện, đồ dùng dạy học chưa được thiết kế để phù hợp với sự tham gia giáo dục của trẻ có HCĐB.

- Quy định trẻ đi học đúng tuyến theo địa giới hành chính chưa thực sự phù hợp và hạn chế sự tham gia, hoàn thành phổ cập giáo dục đối với nhóm trẻ có HCĐB.

- Bộ GD&ĐT chọn giáo dục hòa nhập là định hướng chính trong giáo dục trẻ có HCĐB. Tuy nhiên, trong các chính sách hiện hành, chỉ những học sinh và giáo viên trong các trường chuyên biệt được hưởng các khoản hỗ trợ còn học sinh và giáo viên dạy học hòa nhập lại hầu như không được nhận hỗ trợ cụ thể nào.

- Chưa có hệ thống tư vấn, dịch vụ cho giáo dục trẻ có HCĐB trong cả nước.

- Các cá nhân, tổ chức hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ có HCĐB vẫn hoạt động riêng lẻ, thiếu sự gắn kết chặt chẽ theo định hướng chung nên hiệu quả chưa cao, nhiều khi hạn chế lẫn nhau gây lãng phí các nguồn lực.

3. Giải pháp phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB

Để thực hiện các quyền được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục của tất cả trẻ em thì ngành GD&ĐT vẫn còn phải tìm ra những giải pháp khả thi nhằm hiện thực hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nhóm trẻ có HCĐB.

3.1. Giải pháp về chính sách

a) *Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật*

Văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam có thể nói đã đủ để thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB. Tuy nhiên, cộng đồng, đặc biệt là phụ huynh chưa hiểu hết nội dung của các văn bản này. Vì vậy cần phải có văn bản hướng dẫn cho giáo viên, phụ huynh và cộng đồng về việc

thực hiện để bảo đảm quyền được phổ cập giáo dục cho mọi trẻ em.

b) *Bổ sung các quy định để phù hợp với giai đoạn phát triển mới*

Theo nghiên cứu của Viện KHGDVN thì một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả phổ cập giáo dục cho mọi trẻ em vẫn chưa thể đạt được là trong các quy định pháp quy chưa nêu lên được trách nhiệm cá nhân và chế tài, các chính sách kinh tế cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức trong những trường hợp làm tốt hoặc không bảo đảm để trẻ được bình đẳng về cơ hội tham gia giáo dục.

Vì trẻ ở độ tuổi tiểu học chưa đủ năng lực để nhận thức đầy đủ và bảo vệ quyền của mình nên các văn bản quy phạm pháp luật cần có quy định việc bảo đảm thực hiện quyền được bình đẳng tham gia giáo dục của trẻ là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Các chính sách hiện tại chưa nêu được trách nhiệm hành chính cụ thể của gia đình, nhà trường và cộng đồng nơi trẻ sinh sống trong việc bảo đảm quyền được bình đẳng cơ hội tham gia giáo dục của trẻ. Nếu các chính sách có quy định cụ thể về khuyến khích, khen thưởng hay kinh phí hoặc xử phạt về hành chính, kinh phí đối với việc không bảo đảm các điều kiện để mọi trẻ em đều có thể tham gia và hoàn thành phổ cập tiểu học thì chắc chắn các quy định này sẽ dễ đi vào đời sống hơn.

Cơ hội GD và chất lượng GD giữa các vùng miền có một khoảng cách lớn. Việt Nam không thể chấp nhận khoảng cách về cơ hội và chất lượng GD tồn tại trong một thời gian dài. nhưng làm thế nào để xoá bỏ khoảng cách đó để trẻ em có HCĐB trên khắp mọi miền đất nước có cơ hội đến trường còn là bài toán nan giải. Vì vậy, quy định của pháp luật cũng cần nêu cụ thể hơn về quyền lợi của trẻ, gia đình trẻ và giáo viên, nhà trường trong việc thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB.

Vì không phải bất cứ cơ sở nào cũng có thể bảo đảm điều kiện tham gia giáo dục của trẻ có HCĐB nên cần xóa bỏ quy định về nhập học theo địa giới hành chính đối với trẻ có HCĐB.

c) *Tăng cường tuyên truyền, vận động thực hiện các điều luật về phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB.*

Các văn bản pháp luật quy định về quyền

được tham gia và trách nhiệm phải hoàn thành phổ cập đối với mọi trẻ em cần được phổ biến rộng rãi tới mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, phụ huynh và gia đình có trẻ nhỏ đều cần được biết về vấn đề này. Vận động toàn xã hội tham gia vào công tác phổ cập giáo dục trẻ có HCĐB. Làm sao để xã hội nhận thức được rằng phổ cập giáo dục cho trẻ là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Cần đưa thêm nội dung “Quyền trẻ em” vào dạy chính khóa trong trường học. Nâng cao trình độ, tạo điều kiện cho sự phát triển, sống tự lập và cống hiến cho xã hội của trẻ có HCĐB là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của cả cộng đồng.

3.2. Giải pháp về nhân lực

Giáo dục cho trẻ em chỉ có thể được thực hiện khi quyền bình đẳng tham gia giáo dục của mọi trẻ em được bảo đảm. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo viên cần được đào tạo ngay từ trong các trường sư phạm kiến thức cơ bản và thực hành về giáo dục cho trẻ có HCĐB. Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo hiện nay chưa có học phần nào về vấn đề này. Vì vậy, khi ra trường, gặp học sinh có HCĐB, giáo viên không thể tiếp nhận hoặc thực hiện giáo dục có chất lượng. Mặt khác, với giáo viên đang giảng dạy tại các cơ sở, cần nhanh chóng thực hiện bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng về giáo dục trẻ có HCĐB để họ có thể sẵn sàng đón nhận và giáo dục trẻ.

3.3. Giải pháp hỗ trợ

a) Xã hội hóa giáo dục trẻ có HCĐB

Giáo dục trẻ em là trách nhiệm của mọi công dân. Chính sách xã hội hóa giáo dục cần thực hiện đa dạng chứ không chỉ tập trung vào việc đóng góp tài chính. Vì vậy, để phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB cần phải huy động sự tham gia của mọi lực lượng xã hội trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ tài chính, tinh thần, tư pháp, kĩ thuật, phương tiện... để trẻ được thực hiện quyền tham gia và hoàn thành phổ cập giáo dục có chất lượng.

b) Xây dựng hệ thống dịch vụ giáo dục trẻ có HCĐB

Mỗi trẻ có HCĐB có những nhu cầu và khả năng rất khác so với các bạn cùng độ tuổi nên để thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ không thể thiếu hệ thống tư vấn, dịch vụ tới từng cá nhân trẻ. Dựa vào hệ thống này, gia đình, giáo

viên và cộng đồng có thể hỏi để biết được những vấn đề của trẻ và cách giải quyết hoặc biết các địa chỉ có thể hỗ trợ nhằm giúp trẻ phát triển, hòa nhập cộng đồng. Hệ thống dịch vụ còn là địa chỉ giúp cho chính quyền và giáo dục biết được các dự báo về số lượng trẻ và các nguồn lực cần chuẩn bị để đảm bảo giáo dục có chất lượng cho trẻ có HCĐB.

Với chủ trương, chính sách đúng đắn, của Đảng và Nhà nước cùng với truyền thống văn hóa “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc Việt Nam, với sự tham gia của toàn xã hội vào công tác chăm sóc thể hệ tương lai của đất nước, chúng ta có đủ các nhân tố cần thiết để thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ có HCĐB. Hy vọng rằng với sức mạnh tổng hợp, trẻ có HCĐB Việt Nam sẽ được giáo dục trong môi trường tốt nhất để phát triển tiềm năng, sống tự lập và hòa nhập cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Bộ GD&ĐT, 1991, *Luật Phổ cập GDTH.*
- 2 - Bộ GD&ĐT, 1991, *Luật Giáo dục năm 2005*
- 3 - *Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người*
- 4 - Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ năm học 2008- 2009.*
- 5 - Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định số 23/2006 về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật.*
- 6 - Bộ GD&ĐT, 2008, *Dự thảo chiến lược giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam 2008-2010 và tầm nhìn 2015.*
- 7 - Bộ GD&ĐT, 2009, *Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2008-2020*
- 8 - Bộ GD&ĐT. 2008. *Chỉ thị số: 40/2008/CT-BGDĐT, ngày 22 tháng 7 năm 2008 về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013.*
- 9 - Bộ LĐTB&XH, 2009, *Dự thảo Luật về người tàn tật/khuyết tật*

SUMMARY

In recent years Vietnam has enacted many policies ensuring equal rights in educational access for all children. However the number of children with special circumstances in school is still limited. This article presents views and education policies for children with special circumstances; status of universalization of education for children with special circumstances and proposals for realizing polices for this group of children.